

Bản án số: 798/2020/HNGĐ - ST
Ngày 22 - 9 - 2020
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tuấn

Ông Nguyễn Xuân Thảo

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 476/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1999 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Tiến T2, sinh năm 1987 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 126 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2020, bản tự khai, bà Nguyễn Thị Bích T1 là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trần Tiến T2 tự nguyện sống chung từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 81/2017 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 6 năm 2017.

Sau khi kết hôn, bà dọn về nhà cha mẹ của ông T2 ở tại địa chỉ: Số 126 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và sinh sống với nhau cho đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do ông T2 thay đổi tính tình, không chăm lo gia

đình nên vợ chồng hay cãi vã, đánh đập lẫn nhau, mặc dù vợ chồng và người thân trong gia đình đã ngồi lại với nhau nhiều lần để hàn gắn nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại tiếp tục.

Cuối năm 2019, bà T1 đã làm đơn ra Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết ly hôn với ông T2. Sau khi Tòa án động viên và hòa giải bà đã rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện cho ông T2 sửa đổi, nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn thì ông T2 vẫn tính nào tạt nẩy.

Do không còn tình cảm và tính mạng của bà T1 cảm thấy không được an yên, nên từ đầu năm 2020 đến nay, bà T1 đã dọn về nhà của cha mẹ để ở tại Thôn F, Xã D, huyện E, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Ninh Thuận và từ đây vợ chồng sống ly thân, mạnh ai người nấy sống và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn mong Tòa án sớm giải quyết cho ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Bà và ông Trần Tiến T2 có một con tên Trần Hạ Bích T3, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2017. Tại đơn khởi kiện bà T1 có nguyện vọng được nuôi con nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T1 và ông T2 đồng thỏa thuận giao con chung cho ông Trần Tiến T2 nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về phía ông Trần Tiến T2 là bị đơn trình bày tại Bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2020: Ông T2 xác nhận lời trình bày của bà T1 có phần đúng. Ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ cuối năm 2017. Do bà T1 nghi ngờ ông có người phụ nữ khác ở bên ngoài và từ thời điểm này bà T1 muốn ra ngoài làm công việc riêng và mỗi lần ông về nhà, bà T1 luôn có những câu nói khó nghe nên không khí gia đình vợ chồng luôn căng thẳng. Hiện bà T1 đã dọn về nhà cha mẹ của bà T1 ở tại địa chỉ: Xã D, huyện E, tỉnh Ninh Thuận từ ngày 27 tháng 5 năm 2020 cho đến nay.

Nay bà T1 yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà T1. Ngày 31 tháng 7 năm 2020 Tòa án nhân dân quận Tân Bình tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ xong, Tòa án lập biên bản Phiên họp thì ông Trần Tiến T2 bỏ về không lý do và không ký tên vào Biên bản do Tòa án lập nên Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ không có chữ ký của ông T2 và Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải được được (Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 31/7/2020).

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2020/QĐXX ST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2020 nhưng ông T2 vắng mặt không có lý do.

Về con chung: Ông Trần Tiến T2 là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2020, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có sự chứng kiến của ông T2 và bà T1 thì cả hai bên xác nhận có một con chung tên là Trần Hạ Bích T3, sinh ngày ngày 24 tháng 5 năm 2017. Ông T2 hiện đang nuôi con chung và ông có nguyện vọng được nuôi con là Trần Hạ Bích T3. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Trần Tiến T2 là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2020, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31/7/2020 thì ông và bà Nguyễn Thị Bích T1 không có.

Về nợ chung: Ông Trần Tiến T2 là bị đơn trình bày tại bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2020, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31/7/2020 thì ông và bà Nguyễn Thị Bích T1 không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà T1 vẫn giữ yêu cầu như trên. Ông T2 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc thực hiện thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ kiện, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Nguyễn Thị Bích T1 có đơn xin ly hôn với ông Trần Tiến T2, đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Bị đơn là ông T2, có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Trần Tiến T2 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 81/2017 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 6 năm 2017 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Trần Tiến T2 là hợp pháp, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà T1 và ông T2 đã kéo dài từ nhiều năm, từ 2017 cho đến nay, bà T1 đã nhiều lần nộp đơn ra Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để ly hôn với ông T2 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hòa giải nên bà đã rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội cho ông T2 sửa chữa và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo các Quyết định số 1223/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2019. Nhưng ông T2 cũng chỉ sửa đổi được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại tiếp tục.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T2 muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đưa ra được biện pháp xây dựng hạnh phúc gia đình, Tòa án tiến hành phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T2 không muốn tham dự, bỏ về không có lý do. Ngày 14 tháng 8 năm 2020, Tòa án Tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần một nhưng ông T2 vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, ông T2 cũng vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với bà Nguyễn Thị Bích T1. Nếu có chỉ từ phía ông T2 nên không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: “1.Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T1 với ông Trần Tiến T2 là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T1 và ông T2 có với nhau một con tên là Trần Hạ Bích T3, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2017. Tại Bản tự khai và tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31 tháng 7 năm 2020, bà T1 có nguyện vọng giao con là Trần Hạ Bích T3 cho ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng còn ông T2 cũng có yêu cầu được nuôi con là Trần Hạ Bích T3 và hiện ông đang trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy các bên đồng thỏa thuận việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con nên có cơ sở chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận.

[5] Về tài sản chung: Tại bản tự khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31 tháng 7 năm 2020, bà T1 và ông T2 khẳng định không có và tại phiên tòa, bà T1 khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại bản tự khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31 tháng 7 năm 2020, bà T1 và ông T2 khẳng định không có và tại phiên tòa, bà T1 khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T1 được chấp nhận nên bà T1 phải nộp án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I/. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T1 được ly hôn với ông Trần Tiến T2 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 81/2017 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 6 năm 2017).

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Trần Tiến T2 có một con tên là Trần Hạ Bích T3, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2017. Giao con là Trần Hạ Bích T3 cho ông Trần Tiến T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự giải quyết.

Ông Trần Tiến T2 có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi bà Nguyễn Thị Bích T1 đến thăm con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T1 và ông Trần Tiến T2 khai không có.

II/. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Bích T1 nộp, được căn trừ vào tiền tạm án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Bích T1 đã nộp theo Biên lai thu số 0016458 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Bích T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Tiến T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hợp pháp bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường B, quận C,
Thành phố Hồ Chí Minh; (để xóa sổ bộ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Văn Long